TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 11 năm 2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Danh Hoa; Ông Đỗ Văn S

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; (Có mặt).

HKTT: Số 5, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

HKTT: Số 5, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc S ngày 24 tháng 02 năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và đến ngày 12 tháng 4 năm 1999 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại khu tập thể Z176, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 chuyển về sống chung cùng bố mẹ chồng tại số 5, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng suy nghĩ và cách sống, chị không thích sống chung cùng gia đình nhà chồng. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2018 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng

không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/8/1999; Cháu thứ hai tên là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/7/2009. Ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Q. Cháu Nguyễn Tuấn K đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Nguyễn Ngọc S thừa nhận lời trình bày của chị H là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Q. Cháu Nguyễn Tuấn K đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Anh có văn bản xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/7/2009 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Ngọc S ngày 12 tháng 4 năm 1999, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện G, thành phố Hà Nội. Như vậy, chị H và anh S đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị H và anh S luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp,vợ chồng sống ly thân từ năm 2018. Nay chị H và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh S xin ly hôn là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung: Cháu thứ nhất tên là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/8/1999; Cháu thứ hai tên là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/7/2009. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Q, anh S đồng ý giao cháu Q cho chị H nuôi dưỡng, Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp nên cần chấp nhận.

Cháu Nguyễn Tuấn K đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ: Vợ chồng không có công nợ nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 14/7/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Ngọc S được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0002054 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh). Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- UBND xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Ngọc Anh